TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim K, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lương Thành L, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Kim K trình bày: Bà và ông Lương Thành L tự tìm hiểu nhau. Sau đó, bà và ông L tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009. Bà và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 04/10/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 03/2017 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không còn phù hợp, cả hai không còn tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông L cũng đã ly thân từ đầu tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Hiện tại, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn

gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Thành L.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông L có 01 con chung tên là Lương Thị Bích T, sinh ngày 20/6/2011, giới tính: N. Hiện tại, con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Bà xác định tự thỏa thuận chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông L không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2018, bị đơn là ông Lương Thành L có ý kiến như sau: Ông thống nhất với lời trình bày của bà K về thời gian cưới nhau, kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà K yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà K.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất có 01 con chung như bà K trình bày là Lương Thị Bích T, sinh ngày 20/6/2011. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà K nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lương Thành L có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn là bà Nguyễn Kim K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Kim K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lương Thành L. Ông L đang cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Nguyễn Kim K có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Lương Thành L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim K:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Kim K và ông Lương Thành L tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 119 quyển số 01 đăng ký ngày 04/10/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà K và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà K và ông L đã phát sinh mâu thuẫn và ông L cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng ông cũng tồn tại những mâu thuẫn như phía bà K trình bày. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà K và ông L là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà K yêu cầu ly hôn với ông L và ông L cũng đồng ý ly hôn với bà K, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Nguyễn Kim K được ly hôn với ông Lương Thành L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Do tại thời điểm xét xử, cháu Lương Thị Bích T, sinh ngày 20/6/2011, giới tính: N đủ 07 tuổi và văn bản ý kiến là có nguyện vọng là sống chung với bà K; Hiện tại, con chung đang do bà K trực tiếp nuôi dưỡng; Mặt khác, bà K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, ông L cũng đồng ý với yêu cầu của bà K. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở nguyện vọng của con chung, vì lợi ích của con, đảm bảo môi trường sống ổn định, trong học tập sau này, nên cần giao cháu Lương Thị Bích T cho bà Nguyễn Kim K được quyền tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trâm thành niên. Ông Lương Thành L không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.3] Về chia tài sản: Bà K và ông L xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét đề cập giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Bà K và ông L đều xác nhận không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Kim K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58,

Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim K về việc tranh chấp ly hôn với ông Lương Thành L.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kim K được ly hôn với ông Lương Thành L.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Kim K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Lương Thị Bích T, sinh ngày 20/6/2011, giới tính: N. Ông Lương Thành L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Kim K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002869 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Kim K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Kim K có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Lương Thành L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Long An *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương